

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo 19/5/2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 (sửa đổi, bổ sung tại Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15);

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố và số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Điều 2. Thôn, Tổ dân phố

1. Thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phun, sóc...(gọi chung là thôn); Tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu...(gọi chung là tổ dân phố);

2. Thôn, tổ dân phố được tổ chức tại cấp xã (xã, phường, đặc khu). Thôn được tổ chức ở xã, tổ dân phố được tổ chức ở phường. Việc tổ chức thôn, tổ dân phố ở đặc khu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường, đặc khu); là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ do chính quyền cấp xã giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chấp hành sự quản lý nhà nước của chính quyền cấp xã; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, đề cao tính tự quản của cộng đồng dân cư trong tổ chức đời sống của Nhân dân, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương.

2. Cơ cấu tổ chức của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm tinh gọn, hiệu quả; phù hợp với quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn và yêu cầu quản lý của chính quyền cấp xã.

3. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, thực hiện theo hương ước, quy ước và đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch; phân định rõ nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền cấp xã với nhiệm vụ tự quản của cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của thôn, tổ dân phố nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ Nhân dân và yêu cầu quản lý ở cơ sở.

4. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải phối hợp chặt chẽ với Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản trên địa bàn; gắn với nội dung sinh hoạt của chi bộ đảng ở thôn, tổ dân phố; phát huy vai trò của Nhân dân trong việc bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp trong cộng đồng dân cư.

5. Bảo đảm tính ổn định, kế thừa và phát triển trong tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức quản trị ở cơ sở.

Chương II

THÀNH LẬP, SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại; giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; kế thừa và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Việc thành lập thôn, tổ dân phố phải phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hoá, truyền thống; điều

kiện đặc thù của đơn vị hành chính sau sắp xếp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đối với các thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, phân bố dân cư và yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư. Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố cần xem xét các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của Nhân dân tại địa phương; bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở.

4. Việc giải thể thôn, tổ dân phố thực hiện trong các trường hợp do thay đổi các yếu tố địa lý, địa hình tác động đến quản lý và hoạt động của thôn, tổ dân phố hoặc do thực hiện Phương án bồi thường, tái định cư.

5. Việc đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện đồng thời trong quy trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố. Việc đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện trong trường hợp trùng tên thôn, tổ dân phố trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã hoặc theo nguyện vọng của Nhân dân ở thôn, tổ dân phố.

Điều 5. Tiêu chí của thôn, tổ dân phố

1. Quy mô số hộ gia đình

a) Ở thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: thôn phải có từ 500 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 700 hộ gia đình trở lên;

b) Ở vùng Trung du và Miền núi phía Bắc: thôn phải có từ 150 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 300 hộ trở lên;

c) Ở vùng Đồng bằng sông Hồng: thôn phải có từ 400 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 550 hộ gia đình trở lên;

d) Ở vùng Bắc Trung bộ: thôn phải có từ 350 hộ trở gia đình lên, tổ dân phố phải có từ 450 hộ gia đình trở lên;

đ) Ở vùng duyên hải Nam Trung bộ và Tây nguyên thôn phải có từ 350 hộ gia đình trở lên, TDP phải có từ 500 hộ gia đình trở lên. Riêng các tỉnh Gia Lai, Lâm Đồng và Đắk Lắk: thôn phải có từ 300 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 450 hộ gia đình trở lên;

e) Ở vùng Đông Nam bộ thôn phải có từ 400 hộ trở lên, Tổ dân phố phải có từ 550 hộ trở lên;

g) Ở vùng đồng bằng sông Cửu Long thôn phải có từ 400 hộ trở lên, TDP phải có từ 550 hộ trở lên.

2. Quy mô số hộ gia đình đối với thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù

Trường hợp ở địa bàn biên giới, hải đảo cách xa đất liền, do việc di dân hoặc để bảo vệ đường biên giới, chủ quyền biển đảo; thôn, tổ dân phố ở các địa bàn có yếu tố đặc thù khác (ở nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp; nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông...) thì quy mô thôn, tổ dân phố có thể thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể quy mô số hộ gia đình đối với các thôn, tổ dân phố quy định tại khoản này phù hợp với điều kiện của từng địa bàn.

3. Các tiêu chí khác

Thôn, tổ dân phố phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân

Điều 6. Thành lập thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp thành lập phường từ xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án chuyển đổi thôn hiện có thành tổ dân phố tại hồ sơ Đề án thành lập phường trình cấp có thẩm quyền thông qua. Kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường có hiệu lực thi hành thì các thôn được chuyển thôn thành tổ dân phố.

2. Trường hợp khu vực dân cư mới hình thành chưa đủ điều kiện để thành lập thôn, tổ dân phố theo quy định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã và các hoạt động của thôn, tổ dân phố.

3. Đối với thôn, tổ dân phố đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư nhưng không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan thống nhất thực hiện việc chuyển giao cộng đồng dân cư để thuận tiện cho hoạt động quản lý và sinh hoạt của cộng đồng dân cư. Sau khi thực hiện việc chuyển giao:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thôn, tổ dân phố trước khi chuyển giao thực hiện việc giải thể thôn, tổ dân phố hoặc điều chỉnh phạm vi quản lý của thôn, tổ dân phố có liên quan;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận cộng đồng dân cư thực hiện việc thành lập thôn, tổ dân phố mới nếu bảo đảm tiêu chí, điều kiện theo quy định của Nghị định này; trường hợp không bảo đảm tiêu chí, điều kiện thì thực hiện việc ghép vào thôn, tổ dân phố hiện có.

Điều 7. Thẩm quyền thành lập, sắp xếp, tổ chức lại; giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Hội đồng nhân dân phường quyết định thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên tổ dân phố trên địa bàn.
2. Hội đồng nhân dân xã quyết định thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn trên địa bàn.
3. Hội đồng nhân dân đặc khu quyết định thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn.
4. Ở những nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

Điều 8. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập thôn, tổ dân phố

1. Căn cứ tiêu chí và nguyên tắc thành lập thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn, tổ dân phố trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét thông qua.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về việc thành lập thôn, tổ dân phố bằng hình thức phù hợp với điều kiện của địa phương theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và có trách nhiệm tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân về Đề án thành lập thôn, tổ dân phố; xây dựng thành báo cáo để hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.
3. Hồ sơ thành lập thôn, tổ dân phố gồm
 - a) Tờ trình về việc thành lập thôn, tổ dân phố;
 - b) Đề án thành lập thôn, tổ dân phố (gồm: sự cần thiết thành lập thôn, tổ dân phố; tiêu chí, điều kiện của thôn, tổ dân phố; tên gọi của thôn, tổ dân phố; đề xuất, kiến nghị...);
 - c) Báo cáo tổng hợp ý kiến Nhân dân trong khu vực thành lập thôn, tổ dân phố về việc thành lập thôn, tổ dân phố.
 - d) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã **hoặc dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân đặc khu (nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương)** về việc thành lập thôn, tổ dân phố.
4. Trên cơ sở hồ sơ Đề án do Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét ban hành Nghị quyết về việc thành lập thôn, tổ dân phố mới tại kỳ họp gần nhất.

5. Tại nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng hồ sơ và quyết định thành lập thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

Điều 9. Trình tự, thủ tục sắp xếp, tổ chức lại; giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Trường hợp sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố để thành lập thôn, tổ dân phố mới thì Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo trình tự, thủ tục, hồ sơ quy định tại Điều 8 và trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố để thành lập thôn, tổ dân phố mới tại kỳ họp gần nhất.

2. Trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố thì thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập Tờ trình kèm theo Danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố thực hiện giải thể;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với Tờ trình về việc giải thể thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; có trách nhiệm tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân; xây dựng thành báo cáo để hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

c) Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã gồm: Tờ trình kèm theo Danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố thực hiện giải thể và Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

d) Trên cơ sở hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét ban hành Nghị quyết về giải thể thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

3. Trường hợp đổi tên thôn, tổ dân phố thì thực hiện như sau

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố (phương án cần nêu rõ lý do của việc đổi tên thôn, tổ dân phố; tên của thôn, tổ dân phố sau khi đổi tên...);

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và có có trách nhiệm tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân; xây dựng thành báo cáo để hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

c) Hồ sơ đổi tên, thôn, tổ dân phố gồm: Tờ trình và Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố và Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân;

d) Trên cơ sở hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về đổi tên, thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

4. Tại nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng hồ sơ sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố và quyết định việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố; việc giải thể giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

Chương III

SỐ LƯỢNG, CHỨC DANH VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 10. Số lượng, chức danh

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm các chức danh: Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Bí thư chi bộ; Trưởng Ban công tác Mặt trận.

2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố không quá 03 người.

Điều 11. Khoản quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

1. Ngân sách Nhà nước khoản quỹ (bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế) để chi phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố như sau:

a) Đối với thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo được khoản quỹ phụ cấp bằng 8,0 lần mức lương cơ sở;

b) Đối với thôn, tổ dân phố không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được khoản quỹ phụ cấp bằng 6,5 lần mức lương cơ sở.

2. Căn cứ vào quỹ phụ cấp được Ngân sách Nhà nước khoán cho mỗi thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều này; khả năng cân đối của ngân sách địa phương; quy định của pháp luật có liên quan và đặc thù của từng thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể những nội dung sau:

a) Mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố bảo đảm tương quan hợp lý với mức lương bậc 1 của chuyên viên.

b) Việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh khác ở thôn, tổ dân phố.

c) Số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với các chức danh khác theo quy định của pháp luật có liên quan ngoài các chức danh người hoạt động không chuyên trách quy định tại khoản 1 Điều 10.

Điều 12. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

1. Người hoạt động ở thôn, tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ hiện đang đảm nhiệm (ưu tiên đào tạo kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số...); khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

1. Nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Quỹ Bảo hiểm xã hội bảo đảm kinh phí chi trả các chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp năm 2025 mà ở các phường có địa bàn mật độ dân cư thấp, điều kiện đô thị chưa bảo đảm, có đồng bào dân tộc thiểu số sống xen kẽ thì có tổ chức thôn để phù hợp với phong tục, tập quán và phù hợp với yêu cầu quản lý; trong địa bàn xã có khu vực được quy hoạch, xây dựng khu đô thị mới, khu tái định cư, khu công nghiệp có dân cư,...thì có thể tổ chức tổ dân phố bên cạnh thôn để phù hợp với điều kiện sinh hoạt và yêu cầu quản lý cộng đồng dân cư. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc tiếp tục tổ chức thôn hoặc tổ dân phố trong các trường hợp này; đồng thời xây dựng kế hoạch chuyển đổi, sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn bảo đảm phù hợp với quá trình phát triển đô thị, ổn định đời sống Nhân dân và yêu cầu quản lý của địa phương.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ do sắp xếp tổ chức lại thôn, tổ dân phố được hưởng chế độ chính sách theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế.

3. Trong giai đoạn từ ngày Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực (01/7/2025) cho đến khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được thực hiện theo quy định của pháp luật. Các địa phương có trách nhiệm chủ động rà soát, cân đối và bố trí nguồn kinh phí để thực hiện đóng hoặc truy đóng đầy đủ, kịp thời, nhằm bảo đảm quyền lợi cho đối tượng này.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ

a) Bộ Nội vụ hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố; tổng hợp kết quả thực hiện của các địa phương, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định; hướng dẫn việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

b) Bộ Tài chính đảm bảo nguồn ngân sách nhà nước khoán quỹ phụ cấp để thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo phân cấp ngân sách hiện hành.

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát các quy định của pháp luật có liên quan đến người hoạt động không chuyên trách thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với quy định của Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm

a) Căn cứ nguyên tắc và tiêu chí sắp xếp thôn, tổ dân phố quy định tại Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát các thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chí để xây dựng và ban hành Phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố năm 2026 trên địa bàn

b) Phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải bảo đảm sau sắp xếp các thôn, tổ dân phố đạt tiêu chí quy mô số hộ gia đình theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp do điều kiện thực tiễn ở địa bàn chưa thể sắp xếp để đạt tiêu chí quy mô số hộ gia đình tại Nghị định thì phải thực hiện nhập nguyên trạng từ 02 thôn, tổ dân phố liền kề trở lên để giảm số lượng đầu mối và đồng thời xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp trong giai đoạn tiếp theo.

Đối với các thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù về vị trí địa lý, địa hình và phong tục tập quán hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư không thể thực hiện sắp xếp thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải trình rõ lý do, sự cần thiết và căn cứ đề xuất không thực hiện sắp xếp tại Phương án tổng thể **gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.**

c) Trên cơ sở Phương án tổng thể về sắp xếp thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo chính quyền địa phương cấp xã và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chí theo trình tự, thủ tục, hồ sơ quy định tại Nghị định này, bảo đảm hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2026; đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tạo sự đồng thuận trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

d) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị định này.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố hết hiệu lực kể từ ngày nghị định này có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Lê Minh Hưng

